

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HS-ST

Ngày: 23/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Giang Thị Vượng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Lệ Thủy; ông Lò Văn Lâm

- Thư ký phiên toà: Ông Lò Văn Sơm - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà: Mai Thị Hòe - Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2021/TLST-HS, ngày 08/4/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HS ngày 09/4/2021 đối với bị cáo:

KHÁNG A H (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 08/11/1979

Nơi sinh: huyện M tỉnh Yên Bái

Nơi cư trú: Bản H xã T huyện T, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn; Không biết chữ; Dân tộc: Mông Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Bố đẻ Kháng Nử Giao(đã chết)Mẹ đẻ H Thị Mỹ sinh năm 1952; Vợ Vàng Thị Dưa, sinh năm 1980; Bị cáo có 03 con; Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ hồi 15 giờ 00 phút ngày 14/01/2021 đến 15 giờ 00 phút ngày 23/01/2021 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu(có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Anh Kháng CH Cu, sinh năm 1972; Trú tại: Bản H xã T huyện T, tỉnh Lai Châu(vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Tòng Văn T, sinh năm 1992

Trú tại Bản Cáp Na 2 xã T huyện T, tỉnh Lai Châu(Vắng mặt có lý do)

2. Anh Lò Văn H, sinh năm 1991

Trú tại Bản Nà Đình, xã M huyện T, tỉnh Lai Châu(Vắng mặt không có lý do)

Người làm chứng:

1.Tòng Thị P, sinh năm 1994

2. Tòng Văn T sinh năm 1992

Đều trú tại trú tại Bản N, xã M huyện T, tỉnh Lai Châu(Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 14/01/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tiếp nhận đơn trình báo của ông: Kháng CH Cu, sinh năm 1972, trú tại bản H, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu với nội dung: Ngày 26/11/2020, tại khu vực lán ruộng thuộc địa phận bản H, xã T, huyện T gia đình anh Cu bị kẻ gian trộm cắp 01 con dê cái, lông màu hung đỏ, có trọng lượng khoảng 24 kilogam. Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh, xác định người thực hiện hành vi trộm cắp dê của ông Cu là Kháng A H, sinh năm 1979, trú tại bản H, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Hồi 15 giờ 00 phút cùng ngày, Công an huyện T tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú đối với: Kháng A H về hành vi trộm cắp 01 con dê của anh Kháng CH Cu. Quá trình ra đầu thú, H giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel H dùng liên lạc để bán dê do trộm cắp.

Quá trình điều tra, Kháng A H khai nhận: Khoảng 11 giờ ngày 26/11/2020, Kháng A H đi bộ từ nhà lên khu vực đồi thuộc bản H, xã T, huyện T để xem đàn bò của gia đình thì nhìn thấy có một đàn dê khoảng 10 con đang ăn cỏ gần đàn bò. Thấy đàn dê không có người trông coi, quản lý nên H nảy sinh ý định trộm cắp dê, mục đích để bán và gán nợ. Sau đó, H tiến lại gần đàn dê dồn đuổi bắt được 01 con dê cái, lông màu hung đỏ khoảng 24 kilogam của gia đình anh Kháng CH Cu rồi H dùng một đoạn dây thừng

mang theo từ nhà buộc vào sừng con dê. Sau khi trộm được dê, H dắt bộ theo nương thủy lợi từ bản H sang bản Cáp Na 2, xã T đến nhà anh Tòng Văn T, SN: 1992, trú tại bản Cáp Na 2, xã T, huyện T mục đích để gán con dê trả nợ tiền do H đã vay anh T 1.000.000 đồng từ trước đó. Trên đường đi H gọi điện thoại cho anh T thì chị Tòng Thị P (sinh năm 1994, trú tại bản Cáp Na 2, xã T, huyện T) là vợ anh T nghe điện thoại. H nói với chị P là đang mang 01 con dê của gia đình sang để gán (trả) nợ cho T. Đến nhà anh T, H bảo chị P gọi điện cho anh T về còn H buộc con dê dưới gầm sàn nhà. Một lúc sau, anh T về đồng thời gọi điện thoại cho anh Tòng Văn T (sinh năm: 1992, trú tại bản Cáp Na 2, xã T, huyện T) mượn chiếc cân để cân dê. Sau đó anh T cùng anh T, chị P và H cân con dê được 24 kilogram. Anh T và H thuận giá mua, bán con dê là 100.000 đồng/01kilogram = 2.400.000 đồng. Sau đó, anh T nói với H trừ số nợ 1.000.000 đồng còn lại 1.400.000 đồng khi nào anh T bán được dê sẽ trả lại cho H, H đồng ý. Đến sáng ngày 28/11/2020, sau khi bán được con dê cho anh Lò Văn H (sinh ngày: 1991, trú tại bản Nà Đình, xã Mường Kim, huyện T) được số tiền 2.760.000 đồng anh T gọi điện thoại cho H đến để lấy tiền. Tại nhà anh T sau khi anh T trừ số tiền 600.000 đồng (*số tiền này anh T đã tiêu sài cá nhân hết*) vào tiền công của T đi xe gỗ mua của H, anh T trả lại cho H số tiền 800.000 đồng, H đồng ý. Sau khi nhận số tiền 800.000 đồng do bán dê do trộm cắp mà có, H xuống Hà Nội làm thuê và tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 14/01/2021 nhận thức được hành vi trộm cắp dê là trái pháp luật H đã đến Công an huyện T đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản. Đối với anh Lò Văn H sau khi mua được con dê cách hai ngày sau, anh H đã bán lại con dê cho một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch (anh H không nhớ trọng lượng con dê cũng như số tiền bán dê). Sau khi bán được dê, anh H đã tiêu sài cá nhân hết số tiền bán dê.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tiến hành triệu tập lấy lời khai những người liên quan, người làm chứng hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 02 ngày 22/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: 01 con dê cái, lông màu hung đỏ do Kháng A H trộm cắp của anh Kháng CH Cu có trị giá 3.360.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án:

- Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm con dê bị Kháng A H trộm cắp, tuy nhiên anh Lò Văn H là người cuối cùng mua con dê và đã bán cho một người không rõ nhân thân, lai lịch. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T chưa truy tìm được.

- Vật chứng còn lại của vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IteI tạm giữ của Kháng A H, hiện đang được lưu giữ tại Kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Kháng A H đã bồi thường cho bị hại Kháng CH Cu số tiền 3.360.000 đồng nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh T, anh H không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 43/CT -VKS ngày 06/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Kháng A H về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện T trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Kháng A H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173 ; điểm b, i s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Kháng A H từ 09 tháng đến 12 tháng tù. THi hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình, khấu trừ cho bị cáo 09 ngày đã bị tạm giữ đề nghị không áp dụng các hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự; về trách nhiệm dân sự bị cáo đã bồi thường cho người bị hại, người bị hại và người liên quan không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết; về vật chứng đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, loại BL- 5; Bị cáo không bổ sung ý kiến gì thêm, nhất trí và không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tỉnh Lai Châu.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố, xét xử của bị cáo: Tại phiên tòa ngày hôm nay Kháng A H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ vụ án nên

HĐXX có đủ cơ sở xác định: Ngày 26/11/2020 tại bản H, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu, Kháng A H đã lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của anh Kháng CH Cu để thực hiện hành vi trộm cắp, chiếm đoạt 01 con dê cái, lông màu hung đỏ, có trị giá 3.360.000 đồng của anh Kháng CH Cu. Sau khi trộm cắp được con dê, H đã mang bán và gán nợ cho anh Tòng Văn T trú tại bản Cáp Na 2, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu lấy số tiền 2.400.000 đồng sau đó mang đi tiêu sài cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo Kháng A H đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy; Kháng A H là người có đủ năng lực sức khỏe có nhận thức pháp luật và xã hội nhất định nhưng bị cáo lại bất chấp hậu quả coi thường kỷ cương pháp luật để trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn thể hiện sự thái độ bất coi thường pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị tại địa P. Đối với bị cáo Kháng A H cần phải có mức án tương xứng với hành vi phù hợp với tính chất mức độ tội phạm, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo nói riêng và góp phần răn đe, đấu tranh phòng ngừa phạm tội chung.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, người phạm tội đầu thú và là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i s Khoản 1, Khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được nhận lại tài sản tại phiên tòa vắng mặt nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt bị hại đều không có yêu cầu bồi thường gì thêm, người liên quan không có yêu cầu bồi thường nên HĐXX không phải giải quyết.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện kinh tế của bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng các hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp ngăn chặn: Tiếp tục áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo

[7] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm con dê bị Kháng A H trộm cắp, tuy nhiên anh Lò Văn H là người cuối cùng mua con dê và đã bán cho một người không rõ nhân thân, lai lịch. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T chưa truy tìm được.

Thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, loại BL- 5C Imeil: 351571113080928(*vỏ nhựa màu đỏ, lắp sim viettel số 0355308281*) xác định bị cáo dùng điện thoại vào việc trao đổi mua bán dê nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước

[8] Đối với anh Tòng Văn T, Lò Văn H là người đã mua con dê do bị cáo Kháng A H trộm cắp, chị Tòng Thị P, anh Tòng Văn T là những người tham gia việc mua bán dê. Quá trình điều tra xác định: anh T, anh H, anh T và chị P không biết nguồn gốc của con dê là do H trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh T, anh H, chị P và anh T về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 kèm theo Quyết định số 72 ngày 16/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ nên được miễn án phí HSST

[10] bị cáo, người bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo: Kháng A H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Kháng A H 09(*chín*) tháng tù, khấu trừ cho bị cáo 09 ngày đã tạm giữ. THi hạn tù còn phải chấp hành là 08(*tám*) tháng 21(*hai mốt*) ngày. THi hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

2. Về vật chứng: Áp dụng vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IteI , loại BL- 5C Imeil: 351571113080928(*vỏ nhựa màu đỏ, lắp sim viettel số 0355308281*) thu giữ của Kháng A H

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 6 điều 15 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ điều 331, 333 – Bộ luật tố tụng hình sự

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị hại, người liên quan(*vắng mặt*) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai lên Tòa án nhân dân cấp trên ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Lai Châu
- Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo; CQĐT, CQTHAHS huyện T 2
- Người bị hại; người liên quan
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện T;
- Chi cục THADS T;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

GIANG THỊ VƯỢNG